NIÊN LUẬN

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2009 - 2011

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ GIAI ĐOẠN 2009 - 2011

Để hoàn thành bài niên luận "Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn thành phố Huế, giai đoạn 2009 – 2011" ngoài sự nỗ lực của bản thân, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến:

- Khoa Luật, Đại Học Huế cùng tất cả các thầy cô giáo đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu
- Bộ môn Luật Hành chính – Nhà nước đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình xin số liệu cho bài niên luận này
- Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy giáo,TS.Nguyễn Duy Phương, phó Khoa trưởng. Người đã tận tình hướng dẫn, đóng góp ý kiến cũng như đưa ra những chỉ bảo và giúp đỡ tôi rất nhiều trong quá trình làm thực hiện đề tài.
- Đồng thời, tôi cũng xin cảm ơn những người bạn đã động viên tinh thần và góp ý để tôi có thể hoàn thành được bài nghiên cứu này.

Mặc dù đã có nhiều nổ lực trong quá trình thực hiện đề tài nhưng với kiến thức và hiểu biết về thực tiễn còn nhiều hạn chế nên chắc chắn còn nhiều hạn. Rất mong sự đóng góp ý kiến từ thầy cô và các bạn.

Xin chân thành cảm ơn!

BẢNG KÊ CHỮ VIẾT TẮT

UBND : Uỷ Ban Nhân Dân
HĐND : Hội Đồng Nhân Dân

MỤC LỤC

Trang

A. Mở đầu……..... 5
1. Tính cấp thiết của đề tài……. 5
2. Mục đích nghiên cứu…….…….... 5
3. Phương pháp nghiên cứu…… 5
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu……. 5
5. Bố cục đề tài…….. 5

B. Nội dung…… 7

Chương 1. Cơ sở lý luận về giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai…… 7
1.1 Các văn bản, quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai…….. 7
1.1.1 Văn bản do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành…….. 7
1.1.2 Văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành……. 8
1.1.3 Văn bản do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành…. 9
1.2 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về đất đai……..... 9
1.2.1 Khiếu nại về đất đai…….. 9
1.2.2 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại……. 10
1.2.3 Thủ tục giải quyết khiếu nại……. 13
1.3 Tố cáo và giải quyết tố cáo về đất đai……. 14
1.3.1 Tố cáo về đất đai…….. 14
1.3.2 Thẩm quyền giải quyết tố cáo…….. 14
1.3.3 Thủ tục giải quyết tố cáo…….. 15
Chương 2. Thực trạng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn thành phố Huế, giai đoạn 2009 – 2011……..... 17
2.1 Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo…… 17
2.1.1 Tình hình chung…….. 17
2.1.2 Công tác giải quyết khiếu nại……. 17
2.1.3 Công tác giải quyết tố cáo…….. 18
2.1.4 Nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo về đất đai……... 18

Chương 3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Huế …….. 25
3.1 Một số đánh giá về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai..
3.1.1 Những mặt được…… 25
3.1.2 Những tồn tại trọng giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai…….. 25
3.2 Một số kiến nghị nhằm nâng cao công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai……. 26
C. Kết luận……. 29

A. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai là một hiện tượng xảy ra phổ biến trong xã hội; đặc biệt khi nước ta chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước thực hiện cơ chế quản lý mới bằng việc trả lại đất đai những giá trị vốn có thì tranh chấp đất đai phát sinh có xu hướng ngày càng tăng cả về số lượng cũng như tính chất phức tạp về mặt nội dung. Tính phức tạp của tranh chấp đất đai, khiếu kiện kéo dài không chỉ bắt nguồn từ những xung đột gay gắt về lợi ích kinh tế, từ hệ quả của sự quản lý thiếu hiệu quả của cơ quan công quyền, sự bất hợp lý và thiếu đồng bộ của hệ thống chính sách, pháp luật đất đai…mà còn do những nguyên nhân có tính lịch sử trong quản lý và sử dụng đất đai qua các thời kỳ. Việc nghiên cứu, tìm hiểu tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai là rất cần thiết không những giúp các cơ quan Nhà nước trong nỗ lực xác lập cơ chế giải quyết tranh chấp đất đai một cách có hiệu quả mà còn góp phần vào việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nêu lên được thực trạng khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn thành phố
- Đề xuất được biện pháp khắc phục dựa trên việc phân tích nguyên nhân của thực trạng khiếu nại, tố cáo về đất đai.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp dựa trên những kết quả thu thập được về tình trạng khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn thành phố.
- Sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lê nin trong việc nhìn nhận các vấn đề trong quá trình nghiên cứu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng : Khiếu nại, tố cáo về đất đai
- Phạm vi :

Không gian : Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Thời gian : Từ năm 2009 – 2011

5. Bố cục đề tài

Lời cảm ơn
Mục lục
Bảng thống kê chữ viết tắt

Phần mở đầu
Phần nội dung
Phần kết luận
Danh mục tài liệu tham khảo

B. PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI

Khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, là công cụ pháp lý để công dân bảo vệ quyền và lợi ích của mình khi bị xâm phạm, là biểu hiện của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Khiếu nại, tố cáo là một kênh thông tin khách quan phản ánh việc thực thi quyền lực của bộ máy nhà nước, phản ánh tình hình thực hiện công vụ của cán bộ, công chức. Do đó, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo không những có vai trò quan trọng trong quản lý nhà nước, mà còn thể hiện mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, Đảng và Nhà nước kiểm tra tính đúng đắn, sự phù hợp của đường lối, chính sách, pháp luật do mình ban hành, từ đó có cơ sở thực tiễn để hoàn thiện sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước. Vì vậy, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là một vấn đề được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Để việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng pháp luật, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức và tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, vững chắc hơn trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, Nhà nước ta đã ban hành Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998. Luật này đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2004, 2005. Để phát huy và nâng cao trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của cả hệ thống chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 6-3-2002 về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay.

Khiếu nại, tố cáo về đất đai đang là một thách thức đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc giải quyết dứt điểm, có hiệu quả vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc duy trì sự ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong cả nước và ở từng địa phương. Muốn vậy việc tìm hiểu nhận dạng các nguyên nhân phát sinh (trong đó có những nguyên nhân có tính lịch sử) tranh chấp, khiếu kiện đất đai kéo dài là rất cần thiết trong nỗ lực tìm kiếm, xác lập cơ chế thích hợp để giải quyết dứt điểm, triệt để loại tranh chấp này;

Đổi mới công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai. Tiếp nhận ý kiến phản hồi từ tổ chức, cá nhân để hoàn thiện và xây dựng hệ thống quản lý đất đai (thể chế, bộ máy tổ chức).

1.1 Các văn bản, quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai

1.1.1 Văn bản do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành

- Bộ Luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 06 năm 2004 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Luật Tố tụng dân sự ngày 24 tháng 6 năm 2004;
- Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật Thanh tra ngày 15 tháng 06 năm 2004;
- Luật Nhà ở ngày 09 tháng 12 năm 2005;
- Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 21 tháng 5 năm 1996;

- Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 05 tháng 4 năm 2006;
- Nghị quyết số 755/2008/NQ-UBTVQH ngày 02 tháng 04 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991;
- Nghị quyết số 30/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Quốc hội về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước;

1.1.2 Văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành

- Nghị định số 67/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo;
- Nghị định số 53/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998, Luật sửa đổi, bổ sung mội số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 15 tháng 06 năm 2004;
- Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo;
- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2005 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;
- Chỉ thị số 36/2004/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh và tăng cường trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

1.1.3 Văn bản do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành

- Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về trình tự thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03 tháng 01 năm 2002 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao Tổng cục Địa chính hướng dẫn về thẩm quyền của toà án nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất.

1.2 Khiếu nại và giải quyết khiếu nại về đất đai

1.2.1 Khiếu nại về đất đai

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Khiếu nại, tố cáo thì công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính về đất đai khi có căn cứ cho rằng các quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại (Điều 162 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai):

- Quyết định hành chính trong quản lý đất đai bị khiếu nại bao gồm:

+ Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư;

+ Quyết định gia hạn thời hạn sử dụng đất;

- Hành vi hành chính trong quản lý đất đai bị khiếu nại là hành vi của cán bộ, công chức nhà nước khi giải quyết công việc thuộc phạm vi quy định như nói ở trên.

1.2.2 Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

- Theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004, 2005 thì thẩm quyền giải quyết khiếu nại được quy định như sau:

Chủ tịch UBND cấp xã, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương, Giám đốc Sở và cấp tương đương của UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND cấp huyện giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch UBND cấp xã, thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện đã giải quyết nhưng còn khiếu nại, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch UBND cấp huyện đã giải quyết nhưng còn khiếu nại; giải quyết khiếu nại mà Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương thuộc UBND cấp tỉnh đã giải quyết nhưng còn khiếu nại mà nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp tỉnh.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại, giải quyết khiếu nại có nội dung thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình mà Chủ tịch UBND cấp tỉnh, giám đốc Sở hoặc cấp tương đương thuộc UBND cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

Tổng thanh tra có thẩm quyền giải quyết khiếu nại mà Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại; giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền lãnh đạo công tác giải quyết khiếu nại của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp; xử lý các kiến nghị của Tổng thanh tra theo quy định.

Tuy nhiên Luật Đất đai quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp huyện và UBND cấp tỉnh. Cụ thể tại khoản 2 Điều 138 quy định như sau:

- Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai do Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Toà án nhân dân hoặc tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Trong trường hợp khiếu nại đến Chủ tịch UBND cấp tỉnh thì quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh là quyết định giải quyết cuối cùng;
- Trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định đó thì có quyền khởi kiện tại Toà án nhân dân.

Bên cạnh đó, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định bổ sung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai cũng chỉ đề cập đến thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp huyện và cấp tỉnh. Ngoài hai trường hợp nêu trên, việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai được dẫn chiếu áp dụng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Trường hợp người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án thì Toà án có thẩm quyền giải quyết 22 loại việc theo như quy định tại ***Điều 11 của Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 2006***, cụ thể:

- Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Khiếu kiện quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng hoặc thi hành biện pháp xử lý hành chính bằng một trong các hình thức giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở chữa bệnh; quản chế hành chính;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ nhà ở, công trình, vật kiến trúc kiên cố khác;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc cấp, thu hồi giấy phép về xây dựng cơ bản, sản xuất, kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề hoặc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính của thương nhân;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến thương mại hàng hoá quốc tế hoặc trong nước;

- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến việc chuyển giao tài chính trong nước và quốc tế, dịch vụ và cung ứng dịch vụ;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc trưng dụng, trưng mua, tịch thu tài sản;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng thuế, thu thuế, truy thu thuế;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong việc áp dụng phí, thu phí, lệ phí; tiền sử dụng đất;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý nhà nước về đầu tư;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hải quan, công chức hải quan;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý hộ tịch;
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính đối với việc từ chối công chứng, chứng thực.
- Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia hạn thời hạn sử dụng đất;
- Khiếu kiện về danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách cử tri bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc cán bộ, công chức giữ chưc vụ từ Vụ trưởng và tương đương trở xuống;
- Khiếu kiện quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết khiếu nại đối với quyết định của Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn Luật sư;
- Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc;
- Các khiếu kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Như vậy, Luật Đất đai và Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính đều quy định việc giải quyết khiếu nại về đất đai theo hướng: người khiếu nại chỉ có quyền khởi kiện ra toà án trong trường hợp đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà không đồng ý với quyết định đó và không tiếp tục khiếu nại lên cơ quan hành chính cấp trên. Vấn đề khởi kiện ra toà trong trường hợp đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai không được đặt ra. Luật Khiếu nại tố cáo (KNTC) năm 1998 (được sửa đổi, bổ sung năm 2004 và 2005) đã phát triển nhiều nội dung phù hợp với quá trình đổi mới hiện nay. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng tại các địa phương, đặc biệt là ở cấp huyện, xã cho thấy vẫn còn có nhiều bất cập mà chủ yếu là do sự vận dụng thiếu thống nhất một số quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

1.2.3 Thủ tục giải quyết khiếu nại

Theo quy định của Điều 30, 39, 46 Luật Khiếu nại, tố cáo hiện hành thì người khiếu nại lần đầu phải khiếu nại với người ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có cán bộ, công chức có hành vi hành chính mà người khiếu nại có căn cứ cho

rằng quyết định hành chính đó, hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết quy định tại Điều 36 Luật Khiếu nại, tố cáo mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của pháp luật; đối với vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn nói trên có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp luật có quy định khác. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 43 Luật Khiếu nại, tố cáo mà khiếu nại không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án; đối với vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn nói trên có thể kéo dài nhưng không quá 45 ngày.

Tuy nhiên, điểm a khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai năm 2003 lại quy định: Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng và người khiếu nại có quyền khởi kiện ra toà. Đồng thời điểm b khoản 2 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP cũng quy định: trường hợp khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai do Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Toà án nhân dân. Có thể thấy rằng trường hợp này, người khiếu nại chỉ có một lựa chọn là khởi kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra toà án nhưng nếu theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Khiếu nại, tố cáo thì người khiếu nại có quyền lựa chọn hoặc khởi kiện ra toà hoặc khiếu nại trực tiếp lên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, người khiếu nại vẫn có quyền khởi kiện tiếp ra Toà án.

Bên cạnh đó, ***khoản 2 Điều 2 và khoản 17 Điều 11 Pháp lệnh giải quyết các vụ án hành chính*** cũng quy định: cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện để toà án giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp:

- Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

- Bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư; cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Gia hạn thời hạn sử dụng đất trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND cấp huyện và không tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

1.3 Tố cáo và giải quyết tố cáo về đất đai

1.3.1 Tố cáo về đất đai

Theo quy định tại khoản 2, điều 2 Luật khiếu nại, tố cáo thì tố cáo là việc công dân theo thủ tục do pháp luật quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật đất đai của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

1.3.2 Thẩm quyền giải quyết tố cáo

Điều 34, Nghị định số 136/2006/NĐ-CP quy định Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người do mình quản lý trực tiếp. Theo Pháp lệnh cán bộ, công chức thì việc quản lý trực tiếp có nhiều nội dung (cơ quan quản lý hồ sơ, quản lý ngạch công chức, cơ quan quản lý cán bộ, cơ quan sử dụng cán bộ...). Với cấp huyện, Chủ tịch huyện là người ra quyết định bổ nhiệm, điều động từ trưởng phòng, ban trở xuống (cả cán bộ không chuyên trách và các chức danh công chức ở cấp xã) và theo quy định trên thì người trực tiếp quản lý cán bộ công chức lại là thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã nhưng thủ trưởng cơ quan chuyên môn lại không có thẩm quyền giải quyết tố cáo, do đó thuật ngữ “những người do mình quản lý trực tiếp" (nêu tại Điều 34) rất trìu tượng và do đó rất khó xác định đối tượng nào để áp dụng. Chính vì vậy mà trong thực tế mỗi địa phương sẽ có hướng vận dụng theo cách hiểu của mình.

Điều 43, 44 và 45 Nghị định số 136/2006/NĐ-CP đều sử dụng cụm từ “kết luận" - Người được giao xác minh cũng phải có kết luận bằng văn bản, người giải quyết tố cáo cũng phải có kết luận rõ ràng và gửi văn bản kết luận vụ việc tố cáo cho các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan Thanh tra, cơ quan nhà nước cấp trên). Tuy nhiên, trên thực tế quy định như vậy, vô tình làm khó cho các cơ quan chức năng trong quá trình giải quyết một vụ việc. Bởi các công đoạn, quy trình xem xét giải quyết đều phải có "kết luận" song không có quy định nào nêu rõ kết luận nào là cuối cùng, văn bản kết luận nào là văn bản gửi các đối tượng có liên quan - văn bản của cơ quan được giao xác minh, hay người có thẩm quyền giải quyết. Do đó, các quy định trên sẽ thiếu tính khả thi trên thực tế, dễ dẫn đến sự chồng chéo trong việc thực hiện thẩm quyền do nhiều “kết luận" gây nên.

1.3.3 Thủ tục giải quyết tố cáo

Theo quy định tại khoản 5, Điều 2, Luật Khiếu nại, tố cáo thì công dân có quyền tố cáo. Có thể thấy, Luật Khiếu nại, tố cáo đã cá thể hoá trách nhiệm của người tố cáo để họ tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi (tố cáo) và nếu tố cáo sai thì cũng dễ dàng, thuận tiện cho việc xác định hành vi, khẳng định chủ thể của tố cáo chỉ có thể là công dân - khác với chủ thể khiếu nại là công dân (hoặc cán bộ, công chức), cơ quan, tổ chức.

Song, trong thực tế nhiều trường hợp tố cáo, cùng lúc (cùng trong 1 đơn) có nhiều người cùng ký và tố cáo cũng chỉ một nội dung hoặc một vấn đề; nếu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật trước khi xem xét giải quyết cơ quan có thẩm quyền phải yêu cầu mỗi cá nhân viết đơn tố cáo riêng (mặc dù cùng một nội dung). Song quy định như trên thiếu tính khả thi trong thực tế bởi trong quá trình xử lý hình sự nếu có tố cáo sai (có hành vi vu khống đến mức phải xử lý hình sự), các cơ quan tố tụng có thể xem xét cả khía cạnh hành vi có tổ chức, đồng phạm...,

còn nếu tố cáo đúng thì chứng tỏ hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo đã được nhiều người biết và mong muốn báo tin để các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, vấn đề còn lại là: đơn phải được gửi đến đúng cơ quan (người) có thẩm quyền giải quyết.

Vì vậy, trong trường hợp này việc cá thể hoá trách nhiệm (quy định chủ thể của tố cáo) chỉ là công dân sẽ thiếu tính thuyết phục và ở mức độ nào đó còn có sự rườm rà về thủ tục hành chính không cần thiết.

Một trong các nội dung liên quan đến quá trình giải quyết tố cáo của các cơ quan có thẩm quyền là việc thực hiện quy định về "giữ bí mật". Tại điểm b khoản 1 Điều 57 - Luật Khiếu nại, tố cáo quy định người tố cáo có quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ bút tích của mình. Điều 72 của Luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo, giải quyết tố cáo phải giữ bí mật cho người tố cáo, không được tiết lộ họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và các thông tin khác có hại cho người tố cáo. Nếu chỉ đọc nội dung để bổ sung kiến thức thì không thấy có gì khúc mắc hiện hữu, nhưng vấn đề cần phải bàn ở đây là tại sao và trong trường hợp nào phải giữ bí mật. Hiện các văn bản pháp luật có liên quan (đến Luật Khiếu nại, tố cáo) chưa có hướng dẫn cụ thể.

Một vấn đề nữa liên quan đến quá trình xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo cần được làm rõ là thuật ngữ "thụ lý để giải quyết" được nêu trong các văn bản pháp luật khiếu nại, tố cáo (Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004, 2005; Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ...). Nhưng thực tế đến nay các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có hướng dẫn chi tiết nên sẽ khó tránh khỏi việc vận dụng thiếu thống nhất.

Để bảo đảm cho các quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo có tính khả thi, dễ hiểu và dễ vận dụng trong quá trình tổ chức thực hiện, sau mỗi giai đoạn triển khai thực hiện Luật Khiếu nại, tố cáo, trong khi chưa thể sửa đổi bổ sung Luật, Nghị định, cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu, ban hành Thông tư để hướng dẫn thực hiện những vấn đề còn vướng mắc, hoặc những quy định mới mà nội dung cần phải có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, cần sớm có hướng dẫn cụ thể, chi tiết đối với các vấn đề đã được nêu trên nhằm đảm bảo được tính linh hoạt, tính khả thi của các quy định trong thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ, GIAI ĐOẠN 2009 - 2011

2.1 Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai

2.1.1 Tình hình chung

Từ lâu tình hình khiếu nại, tố cáo luôn là vấn đề bức bách được UBND thành phố Huế và tất cả người dân trên địa bàn hết sức quan tâm. Ngoài việc thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo về đất đai của Trung ương và tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Huế đã ra quyết định số 36/2008/QĐ-UBND về quy định thẩm quyền, trình tự giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai trên địa bàn thành phố. Các văn bản đó đã và đang được triển khai thực hiện, có tác động tích cực đến tình hình khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nhờ vậy, nhiều "điểm nóng", nhiều vụ việc phức tạp đã được giải quyết, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân diễn ra không bình thường, số lượng gia tăng, tính chất ngày càng phức tạp. Trong đó khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai chiếm số lượng lớn, khoảng 70 – 75% so với các tổng số vụ khiếu nại, tố cáo chung.

Trong thời gian từ năm 2009 - 2011 có rất nhiều vụ việc khiếu nại liên quan đến đất đai. Nhiều trường hợp khiếu nại có liên quan đến việc Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án, khu công nghiệp,các công trình hạ tầng như đòi được bồi thường đất ở, nâng giá bồi thường, tăng tiền hỗ trợ, bố trí tái định cư, giải quyết việc làm; đòi lại đất cho mượn, cho thuê... Ngoài ra, có một số khiếu nại liên quan đến việc thực hiện chính sách xã hội, kỷ luật của cán bộ, công chức. Về nội dung tố cáo, chủ yếu là tố cáo cán bộ, công chức làm sai chính sách, tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản; thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, bao che người bị tố cáo, không xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật.

2.1.2 Công tác giải quyết khiếu nại

Từ năm 2009 – 2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường của thành phố tiếp nhận 654 đơn thư khiếu nại về đất đai của công dân gửi đến, trung bình mỗi năm tiếp nhận hơn 200 đơn. Chủ yếu tập trung vào lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, giá bồi thường giải phóng mặt bằng.

Kết quả giải quyết được 498 đơn, đạt tỉ lệ 76,1%, trong đó khiếu nại sai chiếm 18,5%. Số còn lại đang được tiếp tục xem xét, giải quyết. UBND thành phố đã ban hành 283 quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có văn bản trả lời 63 đơn, báo cáo 34 đơn, ban hành 92 công văn và các văn bản khác đề nghị xem xét, giải quyết.

2.1.3 Công tác giải quyết tố cáo

Từ năm 2009 – 2011, Thanh tra thành phố nhận được 68 đơn tố cáo, chủ yếu liên quan đến việc cưỡng chế nhà ở; cán bộ, công chức làm sai chính sách, tiêu cực; bao che người bị tố cáo. Kết quả giải quyết được 57 đơn, đạt tỷ lệ 83,8%, số còn lại đang được tiến hành xác minh, giải quyết.

2.1.4 Nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Do chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước thực hiện chính sách mới về quản lý đất đai. Đất đai trở thành một tư liệu sản xuất quan trọng và là một tài sản có giá đối với với mọi người dân.

Kết hợp với nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến việc số lượng khiếu kiện khiếu nại của người dân liên quan đến ruộng đất trở nên đông đảo và phức tạp số vụ khiếu kiện liên quan đến đất đai ngày càng đông chiếm tới hơn 70%. Lỗi một phần do chính quyền địa phương đã "chưa làm đúng pháp luật", chưa công khai, minh bạch, dân chủ. Điều này thể hiện năng lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc giải quyết khiếu kiện.

Có nhiều nguyên nhân làm phát sinh khiếu nại về đất đai nói chung, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào các nguyên nhân sau đây:

- **Có sự biến động lớn về chủ sử dụng đất**

Chiến tranh khốc liệt trong 30 năm, tiếp theo đó là chiến tranh biên giới gây nên sự xáo trộn lớn về nơi cư trú cùng với những chính sách đất đai theo yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng đã dẫn đến những biến động lớn về chủ sử dụng đất. Mặc dù pháp luật về đất đai (Luật Đất đai năm 1993 và Luật Đất đai năm 2003) không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai nhưng nhiều người vẫn tranh chấp hoặc khiếu nại để đòi đất cũ của mình.

- **Sự bất cập của hệ thống chính sách pháp luật về đất đai**

Hệ thống pháp luật đất đai trong thời gian dài đã tránh né việc giải quyết một số quan hệ về đất đai, dẫn tới tồn đọng số vụ việc cần giải quyết và gây ra sự vận dụng khác nhau giữa các địa phương khi giải quyết những vấn đề giống nhau.

Từ chỗ pháp luật công nhận nhiều hình thức sở hữu đất đai chuyển sang quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, đến sau này quy định cho người sử dụng đất có đầy đủ các quyền, do vậy, việc nắm bắt kịp thời các quy định pháp luật của cán bộ và người dân hạn chế, việc hiểu các quy định pháp luật cũng không đầy đủ và quan niệm về chế độ sở hữu tư nhân về đất đai trong nhân dân vẫn còn tồn tại. Việc ban hành văn bản pháp luật về đất đai theo từng giai đoạn lịch sử, phát triển của đất nước nên thiếu đồng bộ và còn chồng chéo, thiếu công bằng, người hưởng chính sách sau được lợi hơn người hưởng chính sách trước (có một số trường hợp những người chây ì, không chấp hành pháp luật được lợi hơn người chấp hành nghiêm pháp luật), từ đó dẫn đến so bì, khiếu kiện.

- **Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng có nhiều bất cập**

Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa quyền của Nhà nước với tư cách là đại diện sở hữu toàn dân về đất đai và quyền của người sử dụng đất đã được pháp luật công nhận, dẫn tới nhấn mạnh quyền thu hồi đất của Nhà nước, nhấn mạnh việc tạo vốn từ quỹ đất mà chưa quan tâm đầy đủ lợi ích chính đáng của người sử dụng đất, đặc biệt là trong việc định giá đất bồi thường, xử lý mối tương quan giữa giá đất thu hồi với giá đất tái định cư (thu hồi theo giá Nhà nước quy định quá thấp, giao đất tái định cư lại theo giá gần sát giá thị trường).

Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích của xã hội với lợi ích của những người có đất bị thu hồi, thường chỉ nhấn mạnh đến tính cấp thiết của việc giải phóng mặt bằng để có được dự án, chưa chú ý những vấn đề xã hội nảy sinh sau khi thu hồi đất, dẫn tới không bảo đảm điều kiện tái định cư, không có phương án tích cực về giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi, nhất là đối với nông dân không còn hoặc còn ít đất sản xuất hoặc những người không còn việc làm như nơi ở cũ.

Chưa giải quyết tốt mối quan hệ về lợi ích giữa nhà đầu tư cần sử dụng đất với người có đất bị thu hồi, thường nhấn mạnh đến môi trường đầu tư, nóng vội giải phóng mặt bằng để giao đất, cho thuê đất. Việc quy định giá đất quá thấp so với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tuy có tác động tích cực tới việc khuyến khích nhà đầu tư nhưng lại gây ra những phản ứng gay gắt của những người có đất bị thu hồi.

Việc chưa điều chỉnh kịp thời giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thực hiện dự án có liên quan đến nhiều tỉnh hoặc việc cho người có nhu cầu sử dụng đất phát triển các dự án tự thoả thuận bồi thường với người dân đang sử dụng đất, người được giao đất muốn giải phóng mặt bằng nhanh đã chấp nhận giá bồi thường cao hơn quy định của Nhà nước làm cho mức đền bù chênh lệch trên cùng một khu vực, từ đó phát sinh khiếu nại.

Không chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như ra thông báo giải phóng mặt bằng mà không có quyết định thu hồi đất, không thông báo trước về kế hoạch, phương án thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi, cưỡng chế giải phóng mặt bằng trong khi chưa bố trí nơi tái định cư, quyết định thu hồi đất không đúng thẩm quyền, thu hồi đất để sử dụng vào mục đích trái quy hoạch đã được xét duyệt.

Đối với một số dự án còn có tình trạng áp dụng pháp luật thiếu công bằng giữa những trường hợp có điều kiện tương tự.

Việc thu hồi đất nông nghiệp để phục vụ việc quy hoạch phát triển đô thị và các khu công nghiệp nhiều nơi chưa cân nhắc, tính toán đồng bộ toàn diện dẫn đến trường hợp người dân bị thu hồi gần hết hoặc hết đất sản xuất, được đền bù bằng tiền (không có đất khác để giao), giá trị thấp, việc chuyển đổi nghề nghiệp là rất khó khăn do trình độ hạn chế dẫn đến thất nghiệp, đời sống gặp nhiều khó khăn, phát sinh các tệ nạn xã hội và phát sinh ra khiếu kiện.

Nguyên nhân sâu xa của những biểu hiện nêu trên là chưa quán triệt và chấp hành nghiêm chỉnh quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về đất đai. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã nêu rõ phải giải quyết hài hoà mối quan hệ về lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng đất, nơi tái định cư phải có điều kiện bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, nhưng trong thực tế triển khai đã chưa thể hiện đúng và đầy đủ quan điểm đó.

- **Sự yếu kém trong công tác tổ chức thi hành pháp luật về đất đai**

Việc áp dụng pháp luật về đất đai của các địa phương còn nhiều bất cập, nhất là trong việc thu hồi đất như đã nêu trên. Sau khi có Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành, địa phương chưa kịp thời ban hành đủ các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoá thuộc thẩm quyền của thành phố để triển khai; chưa nắm chắc những đổi mới, những quy định mới của pháp luật về đất đai nên vẫn còn áp dụng những quy định cũ đã bị huỷ bỏ hoặc thay thế, nhiều trường hợp áp dụng sai quy định. Những bất cập này đã tạo nên những vụ việc khiếu kiện mới về đất đai.

Công tác quản lý đất đai cũng còn nhiều bất cập, hồ sơ địa chính chưa được quan tâm đúng mức, chưa đầy đủ, không đủ cơ sở cho việc quản lý đất đai. Công tác quy hoạch sử dụng đất chậm, việc chỉnh lý biến động đất đai không được theo dõi, cập

nhật thường xuyên dẫn đến việc tham mưu không đầy đủ, thiếu chính xác trong việc quy hoạch, thu hồi đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai.

Chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết, dẫn tới tuỳ tiện trong giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Địa phương chưa đầu tư kinh phí thoả đáng để xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, bảo đảm quản lý chặt chẽ đối với từng thửa đất. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chậm và trong một số trường hợp không chính xác.

Công tác kiểm tra, thanh tra chưa được quan tâm đúng mức, trong đó công tác hậu kiểm đối với các dự án, công trình sau khi được giao đất, cho thuê đất ít được các địa phương chú ý. Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng tiến độ, không đầu tư theo dự án mà chỉ chờ chuyển nhượng kiếm chênh lệch giá đã ít được phát hiện và xử lý kịp thời. Việc kiểm tra, thanh tra thực hiện chế độ công vụ và xử lý những vi phạm của cán bộ, công chức trong công tác quản lý và sử dụng đất đai chưa được đặt ra một cách cụ thể, tích cực.

Nguyên nhân từ việc quản lý thiếu chặt chẽ, còn sai sót của cơ quan nhà nước: đo đạc không chính xác diện tích, nhầm lẫn địa danh, thu hồi đất không có quyết định, không làm đầy đủ các thủ tục pháp lý, giao đất, cho thuê đất, đấu thầu đất, bồi thường giải toả và sử dụng những khoản tiền thu được không công khai gây ngờ vực cho nhân dân.

Việc giao đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng, giao sai diện tích, vị trí, sử dụng tiền thu từ đất sai quy định của pháp luật hoặc người sử dụng đất đã làm đủ các nghĩa vụ theo quy định nhưng không được hợp thức quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là những nguyên nhân chủ yếu.

Sự yếu kém, bất cập trong công tác quản lý đất đai cùng với một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức có những hành vi vụ lợi trong quản lý, sử dụng đất đai, những nhiễu, thiếu công tâm là nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh những khiếu nại, tranh chấp về đất đai.

- **Sự bất cập trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Trong tổ chức thực hiện pháp luật về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, địa phương chưa làm tốt việc tiếp dân, nhận đơn, chưa hướng dẫn cụ thể theo pháp luật về việc nộp đơn để tình trạng người đi khiếu kiện đi hết nơi này đến nơi khác, một nội dung đơn mà gửi đi rất nhiều cơ quan. Khi phát sinh khiếu kiện, đã không tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời, thậm chí né tránh, đùn đẩy. Nhiều vụ việc đã có quyết định giải quyết cuối cùng nhưng việc tổ chức thi hành quyết định không nghiêm, cơ quan ra quyết định thiếu kiểm tra, đôn đốc kịp thời để giải quyết dứt điểm; một số vụ việc đã có kết luận hoặc quyết định giải quyết nhưng không có tính khả thi trong tổ chức thi hành dẫn tới phát sinh những khiếu kiện mới phức tạp hơn.

Đất đai là vấn đề phức tạp, đã và đang phát sinh nhiều khiếu kiện, nhưng tổ chức và cơ chế giải quyết khiếu kiện thiếu ổn định và nhìn chung bất cập so với yêu cầu thực tế. Giải quyết một vụ khiếu nại đòi hỏi phải có các bước điều tra, nghiên cứu, kết luận và thi hành kết luận (tương tự như một vụ án hành chính hoặc vụ án dân sự), do đó cần một đội ngũ những người am hiểu pháp luật, có nghiệp vụ chuyên sâu và làm việc chuyên trách. Nhưng công tác giải quyết khiếu nại hiện nay chủ yếu là kiêm nhiệm. Khiếu nại về đất đai chủ yếu nảy sinh ở cấp huyện nhưng bộ máy thụ lý ở cấp

này lại không tương ứng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp là người chủ trì, chịu trách nhiệm chính về quyết định giải quyết khiếu nại nhưng lại phải lo mọi việc của địa phương nên khó có điều kiện chuyên tâm về việc này. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng giải quyết khiếu nại chậm chạp, thiếu dứt điểm, chất lượng thấp, tái khiếu nhiều.

Trong quá trình giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, chưa nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật, nên có những trường hợp áp dụng chưa phù hợp. Nhiều vụ việc tồn đọng mà nếu giải quyết thì sẽ kéo theo nhiều trường hợp tương tự khác cũng phải giải quyết, nhưng không giải quyết thì người khiếu nại không chấp nhận. Nhiều trường hợp đã giải quyết theo đúng quy định của pháp luật nhưng người dân vẫn tiếp khiếu.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai liên quan đến thẩm quyền của nhiều cơ quan khác nhau. Tình trạng này đã gây khó khăn cho công dân và lúng túng trong việc xác định thẩm quyền tham mưu giải quyết.

Những tồn tại có tính lịch sử, như việc cho thuê, cho mượn, cầm cố đất trong nội bộ nhân dân, không có hoặc không lưu giữ được các tài liệu, sổ sách khi trưng dụng, trưng thu, trưng mua, thu hồi đất không có quyết định, chưa bồi thường hoặc đã bồi thường nhưng không lưu giữ hồ sơ, đã gây khó khăn rất lớn cho quá trình giải quyết các vụ việc. Việc đầu tư cho công tác quản lý đất đai chưa được chú trọng nên hồ sơ địa chính không đồng bộ, sổ sách, bản đồ, tư liệu thiếu. Công tác lưu trữ tư liệu địa chính chưa tốt dẫn đến việc xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất gặp nhiều khó khăn.

Hệ thống pháp luật quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo thiếu đồng bộ. Luật Khiếu nại, tố cáo và Luật Đất đai có các quy định không thống nhất trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Cho đến nay, vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể về mối quan hệ trong giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa cơ quan hành chính và toà án nhân dân, giữa Bộ quản lý chuyên ngành và Thanh tra Chính phủ. Thẩm quyền giải quyết giữa cơ quan hành chính và cơ quan toà án chưa cụ thể, rõ ràng nên nhiều trường hợp người dân phải đi lại nhiều lần giữa Toà án nhân dân và Ủy ban nhân dân nhưng vẫn không được tiếp nhận để giải quyết.

Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế tuy đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, nhưng còn nhiều vấn đề chưa được quy định cụ thể, rõ ràng, nhất là xác định trường hợp được hoặc không được đền bù, xác định loại đất để đền bù.

Việc phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai giữa các cơ quan có thẩm quyền chưa được chặt chẽ và thống nhất, còn đùn đẩy trách nhiệm, có nhiều vụ việc còn có ý kiến khác nhau làm cho công dân tiếp khiếu dai dẳng. Một số địa phương trước những vấn đề phức tạp đã không nghiên cứu kỹ chính sách, pháp luật và vận dụng cụ thể vào tình hình thực tế để giải quyết mà dựa dẫm vào việc xin ý kiến giải quyết của các cơ quan Trung ương.

Một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ các quy định của pháp luật, lại bị kích động nên khiếu kiện gay gắt đối với những trường hợp đã được giải quyết đúng pháp luật. Một số trường hợp lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để kéo dài thời gian, không chấp hành quyết định giải quyết đã có hiệu lực pháp luật. Nhiều trường hợp cố

tình gây rối, coi thường pháp luật và chống đối người thi hành công vụ nhưng chưa được xử lý nghiêm minh. Trong khi đó, trên thực tế không có điểm dừng về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

- **Sự thiếu gương mẫu, sa sút về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức; sự thiếu hiểu biết và thiếu ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân**

Một số cán bộ vì lợi ích kinh tế, tranh thủ trong thời gian đương chức đã cố tình vi phạm chính sách pháp luật đất đai để trục lợi. Rất nhiều điểm đổi mới của Luật Đất đai năm 2003 vẫn chưa đưa được vào thực tế vì cán bộ quản lý ở nhiều nơi chưa biết, vẫn quyết định theo quy định của pháp luật trước đây. Uỷ ban nhân dân chưa chăm lo nhiều đến công tác tiếp dân, công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân.

Đất đai là vấn đề phức tạp, các chính sách đất đai liên tục thay đổi từ thời chiến sang thời bình, từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường. Để giải quyết cần có một đội ngũ những người am hiểu pháp luật, có nghiệp vụ chuyên sâu, làm việc chuyên trách, có trách nhiệm cao, biết làm một công bộc của dân.

Đất đai có giá trị đặc biệt, nhưng trong thời gian dài đã quản lý lỏng lẻo, dẫn tới những sai phạm có tính phổ biến, trong đó đáng lưu ý là một bộ phận cán bộ, công chức đã lợi dụng chức quyền để chia chác đất đai hoặc trục lợi từ đất đai, để lại những hậu quả nặng nề và gây ra những bức xúc trong dư luận xã hội.

Tình trạng lấn chiếm đất đai diễn ra phổ biến, việc chuyển nhượng trao tay trong nhân dân không tuân theo quy định của pháp luật làm phát sinh các khiếu kiện khó giải quyết.

Nhận thức của người dân về chính sách, pháp luật đất đai và pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhìn chung còn nhiều hạn chế, trong khi việc tuyên truyền, phổ biến của các cơ quan có trách nhiệm chưa tốt. Nhiều trường hợp người dân mặc dù hiểu rõ các quy định của pháp luật, song cố tình không chấp hành những quyết định đã giải quyết đúng pháp luật; một số trường hợp bị kích động hoặc lợi dụng việc khiếu kiện để kích động khiếu nại đông người, gây sức ép đối với cơ quan Nhà nước nhưng việc xử lý không nghiêm.

CHƯƠNG III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

3.1 Một số đánh giá về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai

3.1.1 Những mặt được

Địa phương đã đặt công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý đất đai; địa phương đã đổi mới công tác tiếp công dân, kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

Việc đùn đẩy trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đã giảm. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đã góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đất đai trên địa bàn thành phố đã có nhiều bước chuyển biến tích cực, bước đầu đã nâng cao chất lượng cũng như số lượng các vụ khiếu nại, tố cáo.

3.1.2 Những tồn tại trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền tỉnh, thành phố Huế đã có nhiều nỗ lực trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai của công dân, giải quyết được khối lượng lớn đơn thư khiếu tố của công dân, góp phần ổn định tình hình chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy vậy, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai còn những hạn chế:

- Về lãnh đạo, chỉ đạo:

Cấp uỷ, chính quyền đôi lúc còn coi nhẹ công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, chưa huy động được vai trò của các tổ chức quần chúng, chưa phát

hiện giải quyết kịp thời, có nơi có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm, thiếu thống nhất, tập trung, chú trọng vào vấn đề phát triển kinh tế của địa phương, chưa quan tâm đầy đủ đến vấn đề xã hội phát sinh từ vấn đề thu hồi đất như: tái định cư, đời sống, việc làm, nghề nghiệp…

Công tác hòa giải ở cấp cơ sở chưa được quan tâm đúng mức, nhiều địa phương không bố trí cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm đảm nhiệm công việc này nên việc hòa giải đạt hiệu quả chưa cao. Đội ngũ cán bộ làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai còn yếu kém về năng lực.

- Về công tác quản lý đất đai:

Những tồn tại do lịch sử để lại như trưng dụng, trưng thu, trưng mua, thu hồi đất chưa có quyết định, chưa bồi thường hoặc đã bồi thường nhưng không còn lưu hồ sơ chứng cứ. Công tác kiểm kê trước khi trưng dụng, trưng thu, trưng mua, thu hồi đất không được thực hiện hoặc được thực hiện thì cũng sơ sài, không còn lưu sổ sách.

Việc thực hiện không triệt để các quy định của pháp luật đất đai ở các cấp làm cho hồ sơ địa chính không đồng bộ, sổ sách, bản đồ, tư liệu thiếu; trước đây, việc ban hành các văn bản về quy hoạch đất đai chậm, thiếu các văn bản về hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, xử lý vi phạm dẫn đến công tác quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai gặp nhiều khó khăn.

Công tác lưu trữ tư liệu địa chính chưa tốt nên việc tra cứu gặp nhiều khó khăn.

- Về phía người đi khiếu kiện:

Nhiều vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai mặc dù địa phương đã nỗ lực cố gắng vận dụng chính sách giải quyết có lý, có tình, phù hợp với tình hình thực tế và đúng với quy định của pháp luật, đã được đối thoại trực tiếp nhiều lần nhưng do nhiều động cơ khác nhau người khiếu nại vẫn cố tình đeo bám, khiếu kiện và làm cho tình hình trở nên phức tạp hơn.

Một số đối tượng đi khiếu nại có hành vi vượt quá giới hạn, vi phạm pháp luật, lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo đã có hành vi quá khích gây mất trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng đến công tác và hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước.

3.2 Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai.

- **Tập trung xử lý số đơn thư tồn đọng**

Phòng Thanh tra và Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp rà soát các đơn thư hiện có, tập trung giải quyết dứt điểm những đơn thư chưa giải quyết và những đơn thư đã giải quyết nhưng chưa phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế. Bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là về thẩm quyền và thời hạn giải quyết. Khắc phục có hiệu quả tình trạng cơ quan có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết nhưng đã không giải quyết, dẫn tới khiếu nại vượt cấp. Những cơ quan, địa phương có nhiều đơn, thư tồn đọng hoặc có nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo cần được xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

- Những đơn thư đã được các cơ quan hành chính hoặc tòa án giải quyết đúng pháp luật và đã vận dụng pháp luật phù hợp với thực tế mà người khiếu nại vẫn không đồng ý thì tổ chức đối thoại để thuyết phục người khiếu nại chấp hành. Trường hợp

người khiếu nại vẫn cố tình không chấp hành và có hành động kích động, gây rối thì cần áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

- **Hạn chế phát sinh đơn thư mới**

Hạn chế phát sinh đơn thư mới phải được đặt thành một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác quản lý đất đai. Nhiệm vụ này có liên quan chặt chẽ đến việc tổ chức thi hành và chấp hành pháp luật đất đai. Địa phương tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý và sử dụng đất đai, thường xuyên kiểm tra, thanh tra, phát hiện, chấn chỉnh những yếu kém, xử lý nghiêm, kịp thời, đúng pháp luật các trường hợp vi phạm; tập trung kiểm tra, thanh tra, chấn chỉnh vào các công việc sau:

- Việc thực hiện các quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án;
- Việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Việc sử dụng đất của các dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;
- Việc thi hành chế độ công vụ của cán bộ, công chức, nhất là những người có thẩm quyền và trách nhiệm trực tiếp giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai.

- **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự giám sát của HĐND thành phố**

Sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố bảo đảm thắng lợi trong mọi lĩnh vực công tác. Công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đang là khâu yếu, bức xúc, vì vậy cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt và có hiệu quả của các cấp uỷ đảng.

Mặt khác, đề nghị Hội đồng nhân dân tăng cường giám sát việc thi hành pháp luật về đất đai và pháp luật về khiếu nại, tố cáo, bảo đảm pháp luật về đất đai và pháp luật về khiếu nại, tố cáo được thi hành nghiêm chỉnh.

- **Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra**

Các cơ quan Thanh tra về Tài nguyên và Môi trường cần tập trung thanh tra trách nhiệm quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường tại các địa phương nhằm phát hiện, chấn chỉnh những yếu kém, xử lý nghiêm, kịp thời, đúng pháp luật các trường hợp vi phạm.

- **Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

Nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật cho công dân để họ thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đúng quy định của pháp luật; hạn chế khiếu kiện không đúng cơ quan thẩm quyền giải quyết khiếu kiện đông người, vượt cấp trái với quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo nhằm góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- **Thực hiện tốt công tác tiếp dân**

Không ngừng tăng cường công tác tiếp dân cả về thời gian và địa điểm, đặc biệt chú ý đến hiệu quả của công tác này. Cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ tiếp dân về kiến thức pháp luật, xã hội, tinh thần nhiệt tình và tính trách nhiệm

C. KẾT LUẬN

Trong hệ thống các quyền của công dân thì quyền khiếu nại, tố cáo là quyền cơ bản. Đây là phương tiện đảm bảo pháp lý quan trong của việc thực hiện và bảo vệ các quyền, lợi ích của công dân, lợi ích của nhà nước và của xã hội, là nguồn thông tin quan trọng về tình trạng pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính Nhà nước với công dân

Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo sẽ giúp mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân sẽ trở nên mật thiết, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và chính quyền. Người dân sẽ ủng hộ, hợp tác với cơ quan, tổ chức tốt hơn trong các

chương trình nghị sự của Đảng, Nhà nước; tham gia xây dựng và hoàn chỉnh pháp luật. Vì vậy, nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là vấn đề cần được cả nước nói chúng và thành phố nói riêng đặc biệt coi trọng.

Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp Đảng và Nhà nước kiểm tra tính đúng đắn của các văn bản pháp luật , chính sách quản lý của Nhà nước để điều chỉnh kịp thời, phù hợp trong công tác lãnh đạo đất nước, quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo là khẳng định lập trường chính trị "Nhà nước của dân, do dân, vì dân".

Xuất phát từ những yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Tiếp tục hoàn thiện về pháp luật khiếu nại, tố cáo là vấn đề hết sức quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn trong giai đoạn hiện nay nhằm xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố Huế, giai đoạn 2009 – 2011 ngày có nhiều chuyển biến tích cực với sự cố gắng từ các các cơ quan, tổ chức chính quyền cùng sự chia sẽ từ phía người dân. Mặc dù vẫn có một số thiếu sót nhưng với những phân tích cũng như những kiến nghị đưa ra hi vọng hiệu quả của công tác này sẽ được cải thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật khiếu nại, tố cáo, NXB Chính trị quốc gia quốc gia
2. Hoàng Quốc Hùng, Nghiệp vụ thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo
3. Nguyễn Duy Phương, Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu lực giải quyết khiếu nại về đất đai ở Thừa Thiên Huế.
4. Website :
www.chinhphu.vn
www.huecity.gov.vn
www.nclp.org.vn

http://hueuni.edu.vn/portal/index.php/vi/tapchikhoahoc/index